TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 08 – 9 - 2022
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu Thủy.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 222/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà NTK, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 23, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông LVT, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 23, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà NTK trình bày:

Bà và ông LVT do quen biết, tự tìm hiểu nhau và kết hôn vào năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 08, ngày 15/02/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau và ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài và thường có

hành vi bạo lực gia đình. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông LVT.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên, sinh ngày 27/10/2012 và Lâm Văn Khương, sinh ngày 22/4/2014, hiện 02 con chung tên Nguyên và Khương đang sống với bà. Sau ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên và Lâm Văn Khương và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong thời hạn chẩn bị xét xử, bị đơn ông LVT đã được Toà án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng ông T không gửi văn bản, bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên toà: Vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn bà K có đơn xin vắng mặt là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà K đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông LVT là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà K và ông T chung sống có đăng ký kết hôn là thực hiện đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà K trình bày có nhiều mâu thuẫn, trong thời gian Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến, không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn. Xét thấy, đời sống vợ chồng của bà K và ông T đã lâm vào tình T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên, sinh ngày 27/10/2012 và Lâm Văn Khương, sinh ngày 22/4/2014, hiện 02 con chung tên Nguyên và Khương đang sống với bà. Sau ly hôn bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên và Lâm Văn Khương và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà K. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu

cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Do ông T cư trú tại xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà K:

Bà K và ông T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08, ngày 15/02/2016 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà K cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài và thường có hành vi bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho ông T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa. Điều này cho thấy ông T không còn quan tâm cuộc sống chung của vợ chồng, bà K có ý kiến tại đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà K và ông T lâm vào tình T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà K là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà NTK.

Về con chung: Bà K trình bày bà và ông T có 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên, sinh ngày 27/10/2012 và Lâm Văn Khương, sinh ngày 22/4/2014, hiện 02 con tên Nguyên và Khương đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên và Lâm Văn Khương, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét từ khi ly thân đến nay 02 con chung tên Khương và Nguyên do bà K chăm sóc. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt, tạo điều cho 02 con chung Nguyên và Khương được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung tên Lâm Thái Nguyên và Lâm Văn Khương cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà NTK, bà NTK được ly hôn với ông LVT.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08 cấp ngày 15/02/2016 của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con tên Lâm Thái Nguyên, sinh ngày 27/10/2012 và Lâm Văn Khương, sinh ngày 22/4/2014 (Hiện 02 con chung tên Nguyên và Khương đang sống với bà K) cho bà NTK trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Bà K và các thành viên trong gia đình của bà K không được cản trở ông T đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà K không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà NTK phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003733 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND. AG;
- VKSND. HCP;
- THA. HCP;
- UBND xã Thạnh Mỹ Tây;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh